

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH  
BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-ST  
Ngày 21-9-2020  
Vv tranh chấp về hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1409/2020/QĐSTXX-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số: 1489/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Ông Nguyễn Xuân T hay đến quán của bà uống cà phê nên quen biết nhau. Vào ngày 28 tháng 3 năm 2020 âm lịch, ông T có mượn của vợ chồng bà số tiền 30.000.000 đồng để làm ăn, hẹn 03 ngày sau trả. Đến ngày 30 tháng 3 năm 2020

âm lịch, ông T không có tiền trả mà mượn thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Ông T hẹn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 âm lịch sẽ trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông T trả góp được 03 ngày với số tiền 3.000.000 đồng thì không trả nữa, vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả và còn trốn tránh gặp vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho vợ chồng bà số tiền là 47.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H trình bày: Ông thống nhất với lời khai của vợ ông là bà Huỳnh Thị N về số tiền mà ông Nguyễn Xuân T nợ vợ chồng ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho vợ chồng ông số tiền 47.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vợ chồng bà Huỳnh Thị N, ông Trần Minh H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T trả khoản tiền từ hợp đồng vay tài sản nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T cư trú tại thôn A, xã, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt lợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của vợ chồng bà N, ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông T không đến Tòa hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Xét thấy vợ chồng bà N, ông H yêu cầu ông T trả số nợ gốc là có căn cứ vì theo các chứng cứ bà N, ông H xuất trình thì giấy mượn tiền ngày 28 tháng 3 năm 2020 thể hiện ông T có mượn 30.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 20 tháng 3 năm 2020 âm lịch thể hiện ông T có mượn của vợ chồng bà N, ông H số tiền 20.000.000 đồng, nợ tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Ông T đã trả góp được 03 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng nên còn nợ 47.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ một lần cho vợ chồng bà N, ông H số tiền mượn nợ là 47.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả lãi của bà N, ông H: Hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng ông T hẹn trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 âm lịch cho đến khi hết nợ và đã trả được 03 ngày với số tiền 3.000.000

đồng, sau đó không trả nữa. Như vậy, kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2020 âm lịch, ứng với ngày 26 tháng 4 năm 2020 dương lịch, bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả là 47.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính như sau:  $47.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 4 \text{ tháng} \times 25 \text{ ngày} = 1.837.000 \text{ đồng}$ .

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Xuân T phải chịu  $48.837.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.442.000 \text{ đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của ông H, bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

**1.** Buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị N, ông Trần Minh H số tiền là 48.837.000 (bốn mươi tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn) đồng; trong đó bao gồm 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng tiền gốc và 1.837.000 (một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:**

Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 2.442.000 (hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị N 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000670 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**